

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 117/2019/QĐST-HNGĐ

C, ngày 27 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Lê Thị D** – sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Ông **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết gồm: Tài sản chung, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và lệ phí dân sự sơ thẩm.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Hồng Y - sinh ngày 01/6/2002 và cháu Nguyễn Lê Hồng T - sinh ngày 13/6/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H mỗi người nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) mà bà D và ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2018/0000578 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C1;
- Chi cục THADS TP C1;
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾ Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **NGUYỄN LÊ NGỌC LONG** – sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Bà **TRẦN THỊ THU THẢO** - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Hải, phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long và bà Trần Thị Thu Thảo thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Anh Thư - sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Trần Anh Khôi - sinh ngày 05/3/2015 và không yêu cầu bà Thảo cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long và bà Trần Thị Thu Thảo tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; các khoản nợ chung: Không

4. *Về lệ phí:* Ông Nguyễn Lê Ngọc Long nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn; bà Trần Thị Thu Thảo nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[1].....
.....
[2].....
.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ hôn nhân:
 - Về con chung:
 - Về tài sản chung:
 - Về các vấn đề khác:.....
2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là

Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

Mẫu số 32-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-DS⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽³⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ***tham gia phiên họp:***
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngàytháng..... năm..... tại⁽⁴⁾..... mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số/..... /TLST-DS⁽⁵⁾ ngày..... tháng..... năm..... theo Quyết định mở phiên họp số/...../QĐST-DS ngàythángnăm.....

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quy